



Dịch Thơ:

Ngu Yên

Tiền Đề Dịch Tứ

Dịch Thơ: Tiền Đề Dịch Tứ. Ngu Yên

1. Dịch thơ là điều tôi bận tâm, vì ít khi cảm thấy hài lòng về những bài thơ tôi đã dịch. Có lẽ, những người đi trước nói đúng: thơ dịch không thể chính xác. Gần như họ đồng ý với nhau: dịch thơ là đánh mất thơ. Thơ dịch nếu đúng thì khó hay, nếu hay thì khó đúng. Như một tác giả đã nói, phụ nữ đẹp thì khó tin. Nếu tin được thì khó đẹp. Mở rộng ví dụ của Eugene Albert Nida, bản dịch như đàn bà mặc y phục đàn ông. Có lẽ, đây là bản dịch của các dịch giả tài hoa. Còn những bản dịch khác có thể ví như đàn ông mặc y phục đàn bà.

Nhưng tôi vẫn ngoan cố tin rằng, lời cổ nhân chỉ đúng trong quá khứ và hiện tại. Lời tân nhân có thể khác, có thể hoàn toàn khác. Làm sao để dịch thơ cho hay? phải chờ người tương lai giải đáp. Tôi nghĩ, người trước khi biết mặc áo quần, họ chỉ mặc da. Căn bản, da luôn luôn giống nhau. Như vậy, vấn đề dịch nằm nơi y phục.

Trong lúc chờ đợi, hy vọng hơn tuyệt vọng, tôi muốn thử nghiệm một cách dịch thơ: Dịch tứ thơ thay vì chú trọng dịch chữ, dịch câu, dịch văn phạm,.. dịch sợ sai.

Một tứ thơ luôn luôn có tứ cảnh và luận lý của nó. Bằng hiện thực, siêu thực, ẩn dụ, hoặc hóa ảo, tứ thơ sẽ trình bày trực tiếp hoặc gián tiếp ý nghĩa thơ. Bằng nghệ thuật lời lẽ và bằng xác đẹp hồn hay trình bày qua cá tính tác giả và dịch giả.

Dịch tứ thơ có thể dịch tứ tương đương, tứ tương xứng, tứ tương ứng, tứ tương tựa, tứ đồng dạng, hoặc tái tạo tứ mới phù hợp với văn hóa người đọc.

Dịch tứ thơ là dịch hình ảnh tương đương, tương xứng, tương ứng, tương tựa, đồng dạng, hoặc tái tạo hình ảnh mới trong

ting thần liên tưởng hoặc phù hợp với hình ảnh trong văn hóa người đọc.

Dịch tứ thơ là dịch lẽ lối luận lý của bản gốc sang lẽ lối luận lý theo văn hóa bản dịch. Luận lý thơ vô hình, có hiệu quả khó lường và khó hiểu. Vì vậy, làm sao cho dễ hiểu là quyền lợi của độc giả.

Dịch tứ thơ thông thường tuân theo một tứ tự: Tương đồng, tương đương, đồng dạng, giải thích những tứ phức tạp, thu gọn những tứ có nhiều chi tiết không quan trọng vì sự khác biệt văn hóa của bản gốc, và tái tạo tứ phù hợp với bản dịch.

Lý thuyết chỉ là bàn tay. Khi thực hành những ngón tay phải múa máy, bàn tay lật ngược lật xuôi, vậy mà, ngôn ngữ cảm vẫn bị giới hạn.

Truyện Cổ Nước Nam không có ghi nhưng Truyện Tân Nước Nam có chép việc đời của người họ Phạm. Thuở nhỏ tuy thông minh nhưng hay chọc phá bạn đồng lứa. Bị đám trẻ chặn trâu bắt đánh một trận như tử, rồi mang đi nhận nước. May có người lớn trông thấy, vớt lên kịp thời. Từ đó, ông bị á khẩu. Chưa có ai giải quyết á khẩu thuộc về bệnh hay tật.

Ông tự mình chế biến cách thức nói chuyện, giải bày ý nghĩ bằng tay chân. Khi diễn tả, không chỉ mười ngón tay luân vũ, mà những sợi thịt, làn gân, chuyển động như bầy rắn vặn mình khi lột vỏ. Hai bàn tay có lúc nhõm như cánh bướm, có lúc vũ bão như cánh chim ưng. Còn cặp chân như cầu thủ tung lưới, như vũ công ba-lê, như tài tử trượt băng, như chạy bán mạng lúc di tản. Nhưng không phải chuyện nào cũng dễ dàng diễn đạt. Gặp phải chuyện phức tạp, ông nhảy ra chỗ trống, nhào lộn, xoay cuồng, như Zorba the Greek của Nikos Kazantzakis.

Tài như vậy mà ít người hiểu ông. Đối với họ, tay chân múa máy là ngôn ngữ ngoại quốc. Văn hóa cảm ấy không dễ gì thông cảm. Họ thương hại nên giả vờ chia sẻ. Gật gù tán đồng. Vỗ tay tán thưởng. Rồi nhẹ nhàng, nhanh nhẩu, rút lui.

Về già, ông thường nhảy múa một mình với hoàng hôn và ánh trăng. Khi qua đời, những ngón tay chỉ còn xương, da thịt đã

biến đâu mất. Bàn chân không biết ra sao vì nằm trong quan tài, mang giày chuẩn bị đi xa, không ai thấy. Người đời tiếp theo tiếc tài ông nên chép lại để những ai á khẩu có tài liệu nghiên ngắm.

2. Để dịch tứ thơ, tôi thay đổi kỹ thuật dịch của John Dryden, lý thuyết gia trong thế kỷ 18, và chính thức tựa lưng vào hai lý thuyết gia đương đại: Peter Newmark người Cộng Hòa Séc và Eugene Albert Nida người Hoa Kỳ. Mượn những phương pháp, lý luận, và kỹ thuật của hai ông để làm sườn. Xương sống chính là phép dịch của bà Đoàn thị Điểm (1). Nền là Meta-Tứ, Para-Tứ, và Mô phỏng-Tứ, (xem đoạn kết.) (*) Tôi cũng vay mượn học thuật của các lý thuyết gia khác từ dịch ký hiệu học cho đến dịch theo tâm lý để bồi bổ và giải quyết những khó khăn khi cần thiết. Tuy nhiên, dịch theo lẽ lối nào, nghệ thuật nào, khoa học nào ... cuối cùng: làm sao cho người đọc có thể tiếp nhận hoặc tiếp cận sự hay và đẹp của bài thơ. Nếu bị bắt buộc phải chọn một điều duy nhất, tôi sẽ chọn dịch như thế nào cho người đọc có thể hiểu, cho dù tôi phải giảm trừ, thêm thắt, thay đổi bề mặt của của bài thơ, vì nếu không hiểu thì không thể cảm nhận giá trị của nó.

Có một lần, ông cầm họ Phạm kể chuyện cười bằng bộ điệu cử chỉ. Kể xong, không ai cười vì họ không hiểu ông đang làm gì. Đám trẻ nít bật cười lăn lộn. Không phải vì chúng hiểu câu chuyện, mà vì chúng trông thấy ông múa may quay cuồng quá khôi hài. Thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ. Nếu không hiểu, không còn thơ. Bình thường, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp, nên người ta không cười khi nghe chuyện tiếu lâm của ông cầm. Trong thi ca, ngôn ngữ chính là thơ, vì vậy trẻ nít cười hành vi khôi hài của người kể. Sự kiện này dẫn đến vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong thơ dịch. Ngôn ngữ trong bản dịch không nhất thiết phải so kè, uốn éo theo ngôn ngữ bản gốc. Nhưng ngôn ngữ trong thơ dịch phải thể hiện chất thơ, giọng thơ của thi ca chung và của thời đại mà dịch giả đang sống.

Tôi vay mượn ông Newmark hai khái niệm: Dịch Ngữ Nghĩa (Semantic) và Dịch Truyền Đạt (Communicative translation).

Sự khác biệt giữa hai đường lối dịch:

- Dịch ngữ nghĩa chú trọng đến ý nghĩa của bản gốc. Người dịch luôn luôn dùng ý nghĩa bản gốc để giải quyết khó khăn, định đoạt kết quả trên bản dịch. Đây là lối dịch truyền thống. Lối dịch được hầu hết người Việt yêu chuộng, Lối dịch này có nhiều khuyết điểm nhưng dễ thuyết phục lòng tự tin khi bản dịch bám sát bản gốc.

- Dịch truyền đạt chú trọng đến hiệu quả của bản dịch. Người dịch luôn luôn để sự chọn lựa tốt đẹp cho văn chương và văn hóa dịch. Dựa trên bản gốc, tìm kiếm mọi phương tiện, hình thức, để mang sự dễ dàng và trơn tru đến cho người đọc.

Hai lối dịch này tuy mâu thuẫn nhưng không đối chọi. Ngược lại bổ túc cho nhau. Những ưu điểm của lối dịch này bổ sung cho những khuyết điểm của lối dịch kia.

Riêng về quan niệm “tương đương” giữa bản gốc và bản dịch, bao gồm: ý, tứ, ngôn ngữ, văn phạm, phong thái, là một lý thuyết phức tạp và một thực hành gay go, không ai dám bảo đảm sự chính xác và phẩm chất nghệ thuật. Tôi vay mượn những quan điểm và kinh nghiệm của Eugene A. Nida.

Nida đưa ra hai khái niệm: Tương đương chính thức (formal equivalence) và Tương đương đa năng (dynamic equivalence). Tương đương chính thức dùng để đối phó với bản gốc: nội dung và hình thức. Tương đương đa năng dùng để truyền đạt thông điệp một cách tự nhiên và dễ hiểu nơi bản dịch. Ông là một dịch giả lãnh đạo trong nhóm dịch Kinh Thánh ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, vì vậy kinh nghiệm của ông thiên về Dịch đa năng. Quan điểm trọng yếu của kinh thánh là làm sao cho giáo dân hiểu được lời Chúa. Nghĩa là bản dịch phải vượt qua thông tin, tài liệu của bản gốc để truyền đạt điều muốn nói, ý nghĩa, và giá trị đến người đọc.

Tuy nhiên, những học thuyết của Newmark và Nida đều có những khuyết điểm. Khi thực hành nên bổ sung bởi những phương pháp khác. Căn bản là cấu trúc của Roman Jakobson. Sự biến đổi trong khi dịch của D. Catford. Và sự

không hoàn hảo của tương đương trong quan niệm của Anthony Pym.

Kết luận sơ lược: Dịch tứ thơ là một lối dịch trong khoảng giữa của dịch cận nghĩa bản chính, ý tác giả và của dịch thông đạt, dành mọi ưu tiên cho người đọc.

Người ta cho rằng, đời sống nhiều rủi ro, tai họa hơn may mắn. Thật ra, làm người luôn luôn có nhiều may mắn hơn rủi ro. Người ta ít nhận thấy vì rủi ro xảy ra dễ biết, còn may mắn là chuyện thoát qua, không xảy đến, do đó khó đếm. Vì vậy, nghề bói mới có chỗ đứng trong dân gian. Ông Phạm cũng không ngoại lệ. Ông may mắn gặp một nhà thơ, có cảm tình và quý mến tài năng của ông nên giúp ông làm thông ngôn. Một hôm ông Phạm dùng tay chân để đọc bài thơ “La Calle” (1) của thi sĩ Nobel, Octavio Paz.

La calle

Es una calle larga y silenciosa.

Ando en tinieblas y tropiezo y caigo

y me levanto y piso con pies ciegos

las piedras mudas y las hojas secas

y alguien detrás de mí también las pisa:

si me detengo, se detiene;

si corro, corre. Vuelvo el rostro: nadie.

Todo está oscuro y sin salida,

y doy vueltas y vueltas en esquinas

que dan siempre a la calle

donde nadie me espera ni me sigue,

donde yo sigo a un hombre que tropieza

y se levanta y dice al verme: nadie.

Dĩ nhiên, người xem chỉ đoán chừng, không thể hiểu bài thơ cho đến khi ông thông ngôn giải thích bằng lời lẽ quen thuộc. Bài thơ này là một ẩn dụ về tâm sự thất lạc và thao thức của

con người đi qua đời sống. Thất lạc cùng cực nhất của mỗi người là không tự biết mình là ai. Khi vấp ngã trên đường đời, khi lạc lõng trong bóng tối, khi lo sợ những tai họa, và sợ hãi những gì không hiểu biết, mỗi người sẽ tìm thấy câu hỏi: Tôi là ai? Phải chăng câu trả lời là: không ai cả. Vì là nhà thơ, sau khi giải mã bằng văn xuôi, ông dịch sang thơ Lục Bát. Dịch tứ không dịch câu, không dịch chữ:

Đường Đời.

Đường dài vắng vẻ âm thầm.

Đi trong bóng tối vấp chân lẫn cù,

đứng lên, sờ soạng như mù,

bước đi động đá, tiếng từ lá khô

xạc xào: Có kẻ cơ hồ

theo sau xào xạc mơ hồ theo sau.

Đi chậm, hẳn không đi mau.

Chạy nhanh, hẳn chạy. Quay đầu: không thấy ai.

Vắng tanh đen tối trong ngoài,

chỉ nghe ra tiếng bước dài của tôi,

rẽ ngang, rẽ dọc, lẫn hỏi,

dẫn về đâu giữa đường đời u minh,

không ai chờ, không ai theo mình.

Đến nơi rượt đuổi bóng hình té lẫn

đứng lên gặp mặt nói rằng: không có ai.

Lúc bấy giờ người nghe mới vỗ tay khen ngợi. Không biết giữa ông câm và ông thông ngôn, ai sung sướng hơn ai?

Ghi:

Bản dịch Anh ngữ trên cùng website.

The Street

*Here is a long and silent street.
I walk in blackness and I stumble and fall
and rise, and I walk blind, my feet
trampling the silent stones and the dry leaves.
Someone behind me also tramples, stones, leaves: if I slow
down, he slows;
if I run, he runs I turn : nobody.
Everything dark and doorless,
only my steps aware of me,
I turning and turning among these corners
which lead forever to the street
where nobody waits for, nobody follows me,
where I pursue a man who stumbles
and rises and says when he sees me : nobody.*

(<https://silensloquor.tumblr.com/post/170689662362/street-by-octavio-paz-1914-1998-translated-by>)

3. Nếu nói rằng, dịch cho người đọc, nghĩa là, người dịch nên lắng nghe người đọc phản hồi. Hai phản hồi mang tính văn chương của đa số độc giả:

- 1- Bài thơ dịch đọc không thấy hay.
- 2- Đọc bản chính (gốc) dễ hiểu hơn.

Phản hồi 1 cho chúng ta hiểu rằng, hiệu quả của bài thơ dịch không thuyết phục, không tạo được sự hài lòng cho độc giả.

Trước hết, người dịch nên xác định, độc giả ấy thuộc về mức độ nào trong văn chương và nếu cần, thuộc về trình độ nào trong văn học. Vì giới bình dân khó làm quen với thơ của Octavio Paz. Giới văn chương khó đánh giá cao thơ tuyên truyền. Giới đạo đức dù thấy hay vẫn không công nhận thơ của Allen Ginsberg.

Đa số những bài thơ dịch cận nghĩa ít có sắc thái văn hóa của người đọc. Vì không quen thuộc, khó thấy hay. Hầu hết những kỹ thuật và nghệ thuật dịch trên thế giới từ đầu thế kỷ 21 đều nghiêng về dịch theo văn hóa, vì nó phù hợp với tính đa văn hóa và tính toàn cầu của mọi khía cạnh đời sống.

Đánh giá “hay” của người thường ít có giá trị vì danh từ “hay” không phải là thước đo, chỉ là một khoảng không rộng rãi và mơ hồ. Ngay cả khả năng đánh giá của nhà phê bình hoặc của các nhà văn học có uy tín cũng bị giới hạn, vì sở học có chừng mực, nhất là vì cá tính. Đọc bài giới thiệu, điểm sách, phê bình văn học, tuyển tập văn chương ... nên ghi nhận cá tính của người viết hoặc người chủ trương. Gặp ai cũng chê, sẽ tự hại mình. Gặp ai cũng khen, sẽ hại người, hại mình, và hại xã hội. Trung thực thường bị người đồng thời ghét bỏ, phê phán, nhưng sẽ được người đời sau quý mến, tin tưởng. Người đời sau đông hơn người đương thời.

Cái “hay” không có tiêu chuẩn nhất định và nhất quán. Nhưng cái “gần hay” có tiêu chuẩn căn bản:

- Phải nghiền ngẫm cái ý của tác giả và cái nghĩa trong bài thơ. Sau đó, phải diễn đạt cái ý nghĩa đó vào bản dịch bằng cách nào dễ hiểu nhất.

- Có sự khác biệt giữa con đường ngắn nhất và con đường đẹp nhất, (tìm hiểu quan điểm này qua Google map.) Nếu có con đường vừa ngắn vừa đẹp, nên chọn mà đi, Nếu không, nên chọn con đường ngắn vì vẻ đẹp bên ngoài thường làm mù mịt hoặc che khuất ý thật bên trong. Cách diễn đạt trong bản dịch về hình ảnh, tứ anh, luận lý, ngôn ngữ cũng theo tiêu chuẩn này.

Phản hồi 2 là một cách chê nhưng khá thành thật. Dường như, hầu hết những người đã từng dịch thơ văn và những người giỏi sinh ngữ thường có nhận xét này. Hơn ai hết, họ biết rõ những khó khăn và những “khó chấp nhận” dọc theo quá trình dịch, nhất là dịch thơ. Nói chung, những ai thường có nhận xét trên, nên tự đặt vấn đề với mình:

- “Đọc bản chính để **hiểu** hơn.” Hiểu của mỗi người khác nhau, cho dù cùng giỏi sinh ngữ. Cũng như những người giỏi tiếng Việt hiểu thơ Thanh Tâm Tuyền hoặc thơ Bùi Giáng, có thỏa thuận với nhau chăng? Vì vậy, “dễ hiểu” không nhất thiết là hiểu đúng.

Bước tiếp theo, thử ngồi xuống, dịch lại bài thơ theo ý mình, một cách hay nhất để truyền đạt. Không chừng, không dễ dàng như suy nghĩ trong đầu. Giữa suy nghĩ trong đầu và suy nghĩ viết xuống, tuy khoảng cách giữa đầu và tay không xa, nhưng khoảng cách giữa nghĩ và viết có khi dài như Sài Gòn đi Hà Nội. Nếu dịch rồi, đưa cho những người bạn của mình đọc. Đưa xong, lẹ làng bỏ đi. Rồi len lén quay lại. Núp đầu đó, lắng nghe. Không chừng sẽ nghe câu nói quen thuộc: “Đọc bản chính dễ hiểu hơn.”

- Nếu đọc một bài thơ dịch có bản gốc bằng ngôn ngữ mà chúng ta không biết, vậy thì, đọc bản chính lại càng khó hiểu hơn. Hiểu được điểm này thì lời phê phán cần thận trọng. Hãy thay cái đấm bằng bàn tay vuốt ve. Hãy thay khắc nhổ bằng môi hôn lên má.

Ai dịch thơ mà nghĩ rằng mình dịch hay, dịch đúng, người ấy chưa qua cầu đoạn trường. Chủ yếu của dịch thơ là mang phẩm chất giá trị, mới lạ, trong văn chương và văn hóa của dân tộc khác vào sự học hỏi, văn chương, văn hóa của dân tộc mình. “Dân tộc mình” phải chăng là điều đáng quan tâm? Chữ “minh” nghe cảm động nhưng rất dễ quên.

4. Đối với ông Phạm, khi chuyện trò, người Việt hay người ngoại quốc đều giống nhau. Cách nói của ông tuy đặc thù, ít người hiểu, nhưng lời lẽ đó thuộc về ngôn ngữ quốc tế.

Một hôm, ông được mời làm diễn giả đến Hoa Kỳ, tham dự một đại hội đa văn hóa của nhiều chủng tộc. Người Âu Mỹ, người Tây phương, yêu chuộng tài năng, nhất là những tài năng đặc biệt. Đứng trên sân khấu, không có thông ngôn, nhìn xuống thấy rất nhiều sắc dân khác nhau, ông Phạm vừa lo âu lại vừa cảm động. Ông hít nhiều hơi dài, lấy bình tĩnh, kể lại câu chuyện của ông bị câm. Kể đến đoạn, khi mẹ ông qua đời, nhìn mẹ hấp hối, ông muốn kêu lớn: mẹ ơi, mà không thành tiếng, chỉ nghe chính mình ú ớ... Nói đến đây, ông không cảm được nước mắt. Hầu hết người tham dự đại hội đều cảm động, nhiều người rơi lệ.

Sức mạnh của kỷ niệm và cảm xúc có khả năng chuyển động cả rừng sim như Bùi Giáng kể chuyện đưa tay vịn cành sim, cả rừng rung chuyển. Có lẽ đây là tiêu chuẩn căn bản và vững chắc nhất trong thơ để người đọc cộng hưởng. Dịch thơ là một cách làm thơ. Thành công xây dựng trên căn bản cộng hưởng.

Dẫn đến quan điểm người dịch một bài thơ mà mình có cùng kinh nghiệm hoặc kinh nghiệm tương tự, khác với dịch một bài thơ mà mình không gần gũi, ít cảm xúc. Dịch thơ nên chọn bài thơ dịch trong phạm vi có công hiệu tình cảm. Khó nhất là phải dịch toàn bộ thơ trong một tác phẩm hoặc toàn bộ tác phẩm trong sự nghiệp của một tác giả, vì sẽ gặp những bài thơ mà ý tưởng và cảm xúc hoàn toàn xa lạ với người dịch. Đối phó với những bài thơ này như ăn cơm nguội. Không ăn thì không hoàn tất bữa cơm. Ăn thì nhai trệu trạo. Nuốt khó trôi.

5. Đi đến kết luận cho một giải thuyết trong tiền đề: Dịch thơ là dịch tứ thơ. Tôi đề nghị, cuộc hành trình bắt đầu từ khái niệm căn bản của John Dryden. Ông thành danh trong thế kỷ 18 với lý thuyết dịch câu thơ qua ba dạng: Metaphrase, dịch câu theo chữ trong cận nghĩa. Paraphrase, dịch câu theo ý. Imitation, dịch câu theo khái niệm mô phỏng. Ông chọn phương pháp dịch Paraphrase.

Theo tôi, cả ba kỹ thuật trên đều nên sử dụng. Mỗi kỹ thuật sẽ phù hợp cho mỗi cấu trúc và cách diễn tả của mỗi loại câu thơ. Có câu cần dịch gần. Có câu cần dịch xa. Có câu cần dịch theo sát ý tác giả. Có câu cần dịch cho độc giả nắm bắt. Có câu cần thay đổi ít. Có câu cần thay đổi nhiều. Sử dụng cả ba kỹ thuật này trong mục tiêu truyền đạt ý nghĩa, giá trị và thẩm mỹ từ bài thơ gốc đến người đọc.

Nhưng tôi không đặt trọng tâm vào câu. Dùng kỹ thuật này vào tứ: meta-tứ, para-tứ và mô phỏng-tứ (imitation.)

Tiền đề này cần được thực hành, trải nghiệm và chứng minh để trở thành lý thuyết.

Về già, ông Phạm ít giao thiệp với người ngoài. ông thích thú nói chuyện với bản thân. Nhất là những đêm trăng lười liềm non, nhìn như con mắt buồn ngủ, sắp nhắm lại, tan vào cõi hư ảo. Ông Phạm ra cạnh hồ bơi, trò chuyện với hình ảnh của mình trong nước và đôi mắt khép hờ theo dõi trước khi chiêm bao. Một mắt trên cao, một mắt dưới hồ, kẹp người ở giữa, chân nhảy nhót, tay múa như nắn nót, bốc hốt không gian. Thú vui đó một mình, không ảnh hưởng đến ai. Thú vui đó âm thầm, phù hợp với người á khẩu.

Ông nghĩ như vậy nhưng lắm. Những đêm trăng, hàng xóm chung quanh, trên tầng cao, dưới tầng thấp, mở cửa sổ, cửa lớn, xem ông múa chữ.

(*) Tứ thơ không có danh từ tương đương trong Anh ngữ.

Ngũ Yên,

Cabin Twin Creeks, Manchaca, Texas.

Mời đọc

Dịch Thuật: Những Mô Hình Mới. (Biên Khảo.)

https://www.academia.edu/44656929/D%E1%BB%8Bch_Thu%E1%BA%ADt_Nh%E1%BB%AFng_M%C3%B4_H%C3%ACnh_M%E1%BB%9Bi